



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Năm báo cáo: 2012

Tp. Hồ Chí Minh, 05/2013

MỤC LỤC

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	1
II. PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	3
III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012	5
IV. VỀ ACBS.....	7
1. Tổng quan về ACBS	7
2. Lịch sử hình thành và phát triển của ACBS	8
3. Giá trị cốt lõi.....	8
4. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển	8
5. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp.....	9
6. Các công ty có liên quan.....	9
V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012.....	13
1. Môi trường kinh tế Việt Nam năm 2012 và dự báo năm 2013	13
2. Hoạt động môi giới.....	15
3. Hoạt động đầu tư chứng khoán	16
4. Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành	18
5. Nghiên cứu và phân tích.....	19
VI. NGUỒN NHÂN LỰC	21
1. Sơ đồ tổ chức	21
2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát.....	21
3. Ban Tổng giám đốc.....	23
4. Số lượng cán bộ và nhân viên	24
5. Chính sách dành cho nhân viên.....	24
6. Kế hoạch phát triển và đào tạo nhân viên.....	25
VII. ACBS VÀ KHÁCH HÀNG	26
VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	27
1. Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012.....	27
2. Thuyết minh BCTC hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012.....	27
IX. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG.....	28

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thưa các Quý vị,

Thay mặt toàn thể nhân viên công ty chứng khoán ACB (ACBS), tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước đã đồng hành, luôn tin tưởng, và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Kính thưa Quý vị,

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm với nhiều biến động trái chiều. Sau một thời gian dài giảm điểm, ngay trong những tháng đầu năm 2012, thị trường có những tín hiệu khởi sắc. Tâm lý thị trường khá lạc quan trước những thông tin vĩ mô tích cực như thủ tướng chính phủ ký ban hành ba văn bản thúc đẩy hoạt động và tăng cường quản lý thị trường chứng khoán Việt Nam, động thái cắt giảm lãi suất nhanh và mạnh từ 14%/năm xuống 9%/năm, sự ra đời của chỉ số VN30 và kéo dài thời gian giao dịch sang buổi chiều.... Kết quả là trong năm tháng đầu năm, chỉ số VN-Index đã tăng gần 40%, HNX-Index tăng 44% so với cuối năm 2011

Tuy nhiên, sự tăng trưởng này không duy trì lâu dài. Niềm tin của nhà đầu tư bị tác động nhiều khi những biện pháp cải thiện kinh tế không đưa lại những kết quả tiến triển rõ rệt. Hàng loạt thông tin như tỷ lệ nợ xấu, bất động sản đóng băng, doanh nghiệp phá sản, hàng tồn kho cao và đỉnh điểm là sự cố ngân hàng trong tháng 8 đã đẩy thị trường lao dốc mạnh. Đến cuối năm 2012, dù thị trường hồi phục tương đối nhưng VN-Index vẫn giảm 20% HNX-Index giảm 36% so với đỉnh điểm tháng 5/2012.

Sớm dự báo xu hướng phát triển của thị trường, Ban lãnh đạo ACBS đã đề ra chiến lược phù hợp với từng thời kỳ. Nhờ đó, dù thị trường có nhiều thăng trầm, ACBS vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá tốt. ACBS tiếp tục duy trì vị thế của mình trên thị trường chứng khoán, là một trong ba công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Kết thúc năm 2012, thị phần môi giới của ACBS ở sàn HOSE là 7,92% và HNX là 5,5%, đứng hạng 3 tại cả hai sàn. Doanh thu năm 2012 đạt 757 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 127 tỷ.

Chất lượng dịch vụ không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Trong năm 2012, ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài, trở thành công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam áp dụng hệ thống SWIFT. Đây là giải pháp kết nối giữa nhà đầu tư với ngân hàng bảo lãnh và công ty chứng khoán, với hệ thống quy trình giao dịch được tự động hóa toàn bộ, giúp giảm thiểu chi phí, thời gian và đồng thời vẫn hạn chế được rủi ro trong thanh toán bù trừ chứng khoán. Bên cạnh đó, ACBS vẫn tiếp tục là nhà tư vấn đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong hoạt động tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, niêm yết, phát hành cổ phiếu ra công chúng, mua bán sáp nhập, thu xếp vốn.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2013

Trong năm 2013, những khó khăn mà nền kinh tế Việt đã đối mặt trong năm 2012 có thể sẽ kéo sang năm 2013, tác động đến mức tăng trưởng chung

nhưng ở mức độ không lớn lắm. Với sự kỳ vọng vào các chính sách vĩ mô của chính phủ trong thời gian qua tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2013, mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,5% có thể đạt được. Bên cạnh đó, ngân hàng nhà nước vẫn tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, với mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 6-6,5%.

Với những tín hiệu tích cực của nền kinh tế, ngay từ đầu năm 2013, UBCK đã có những đề xuất mang tính hỗ trợ như: loại bỏ cho vay chứng khoán khỏi lĩnh vực không khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cổ phiếu và trái phiếu, tăng room cho khối ngoại ở một số ngành, giảm thuế liên quan đến thị trường chứng khoán, tăng tỷ lệ giao dịch ký quỹ lên 50:50, đa dạng hoá các sản phẩm đầu tư, yêu cầu áp dụng các chuẩn mực kế toán khắt khe hơn. TTCK Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi.

ACBS tập trung vào hai mục tiêu chính: gia tăng thị phần môi giới và tăng trưởng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu trên, Ban lãnh đạo đã định hướng chiến lược phát triển toàn diện, gồm kế hoạch đầu tư cải tiến hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực quản trị rủi ro cũng như cơ cấu lại hệ thống tổ chức nhằm phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống.

Bên cạnh đó, con người là yếu tố quan trọng nhất, tạo nên sức mạnh cạnh tranh của tổ chức. ACBS tiếp tục các chương trình đào tạo chuyên biệt, đi vào chiều sâu cho nhân viên nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ của ACBS đáp ứng với những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT

II. PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ACBS

Định hướng chiến lược:

ACBS, với sứ mạng trở thành Ngân Hàng Đầu Tư hàng đầu của Việt Nam, đã và sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là cung cấp dịch vụ tài chính đồng bộ tổng thể cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Cùng hệ thống ACB, với mạng lưới chi nhánh và khách hàng đa dạng rộng khắp Việt Nam, ACBS sẽ tối đa hóa giá trị cộng hưởng giữa dịch vụ ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư, tạo nên một trung tâm dịch vụ tài chính đa dạng trọn gói cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

Tóm tắt tình hình hoạt động của ACBS năm 2012:

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc năm 2012 với nhiều biến động, tăng đáng kể cả về giá và khối lượng giao dịch từ đầu năm tới tháng 5 với VNIndex tăng gần 40%. Tuy nhiên, tin tức về nợ xấu và các diễn biến tiêu cực trong hệ thống ngân hàng đã làm thị trường sụt giảm nghiêm trọng từ tháng 5 tới tháng 11. Cho đến cuối năm 2012, thị trường đã dần chuyển biến tích cực với những nỗ lực của Chính phủ trong việc đưa ra giải pháp giải quyết nợ xấu cũng như thúc đẩy tăng trưởng, đồng thời các chỉ số vĩ mô như lạm phát, tỷ giá và dự trữ ngoại tệ đều ổn định và tốt hơn dự tính. Kết thúc năm 2012, chỉ số VN-Index đạt mức 413,73 điểm còn HNX-Index đạt mức 57,09 điểm. Thanh khoản của cả 2 sàn cải thiện đáng kể, tăng 27% so với cuối năm 2011.

Năm 2012, kế hoạch tái cấu trúc của ACBS đi vào chiều sâu với chiến lược tập trung vào kinh doanh cốt lõi là dịch vụ tài chính. Với phương châm lấy khách hàng là trọng tâm, ACBS đã không ngừng hoàn thiện chất lượng phục vụ. Nhiều tiện ích và dịch vụ được cải tiến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Hệ thống kênh phân phối được sắp xếp lại nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ. Công nghệ thông tin được ưu tiên đầu tư cải tiến, tạo thế mạnh cạnh tranh cho ACBS. Bảng cân đối tài chính đã được hoàn thiện với nợ ngắn hạn được giảm đáng kể. Lượng tiền mặt luôn được giữ ở mức cao đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn. Danh mục đầu tư đã giảm đáng kể cả về số lượng lẫn tổng giá trị.

Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, ACBS vẫn duy trì được mức tăng trưởng ổn định và kết quả kinh doanh có lãi. Đặc biệt ACBS đã nâng được thị phần môi giới đáng kể, tạo nền móng để phát triển dịch vụ tài chính toàn diện lâu dài.

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 757,98 tỷ đồng, giảm 5,9% so với năm 2011.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 127,173 tỷ đồng giảm 49,13% so với năm 2011.
- Thị phần của ACBS được cải thiện đáng kể, chiếm 7,11% so với toàn thị trường (tăng đáng kể so với năm 2011 là 4.76%), trong đó, thị phần tại HOSE chiếm 8,01% (năm 2011 là 4.21%) và tại HNX là 5,2% (năm 2011 là 5%).
- Đặc biệt mảng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đã có những tiến bộ vượt bậc, mang lại 20% doanh thu, tăng nhiều lần so với năm 2011.

Định hướng hoạt động năm 2013

Trong năm 2013, ACBS sẽ tiếp tục chiến lược tập trung vào kinh doanh cốt lõi là dịch vụ tài chính, phát huy những thế mạnh đã đạt được trong năm trước và giá trị thương hiệu ACB. Mục tiêu chính của ACBS là gia tăng thị phần môi giới, đặc biệt trong khối khách hàng định chế. Hoạt động chăm sóc khách hàng sẽ được chú trọng hơn nữa nhằm phục vụ tốt khách hàng hiện tại và thu hút khách hàng mới. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp sẽ được phát triển về chất lượng với việc chú trọng vào đào tạo, huấn luyện chuyên sâu, nhằm đưa chất lượng dịch vụ của ACBS từng bước nâng cao ngang tầm khu vực.

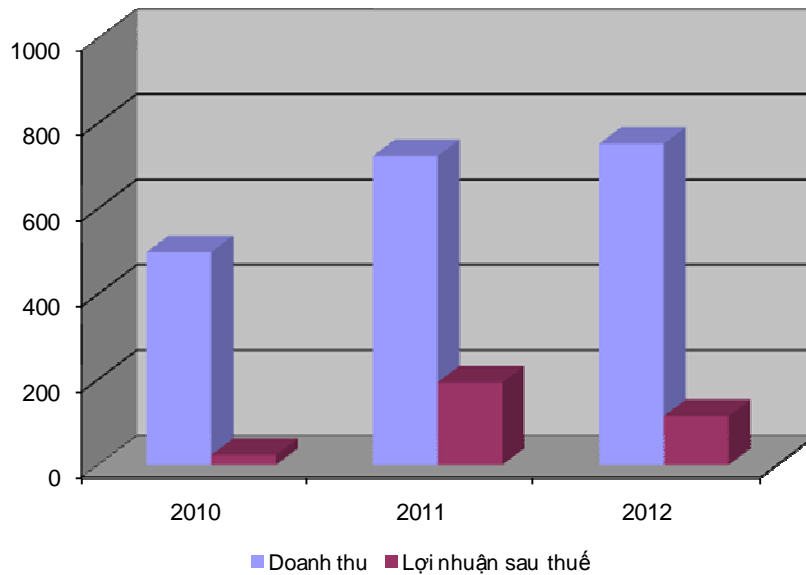
Trân trọng,

Tổng Giám Đốc

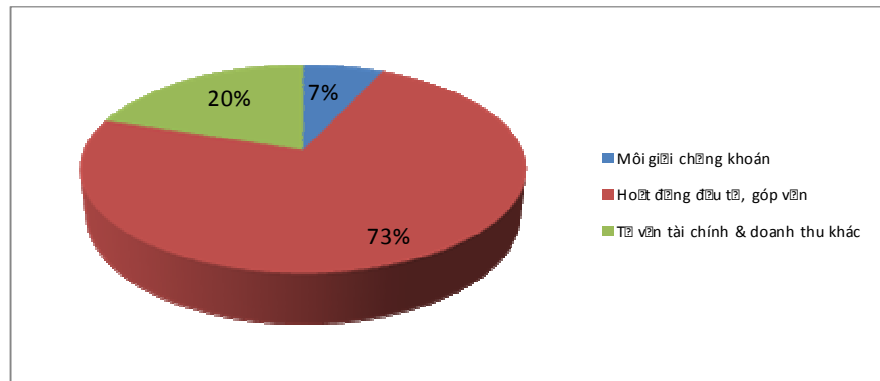
III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

	Đơn vị	2012	2011	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.287	4.477	-4,24%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.679	1.648	1,88%
Doanh thu	Tỷ đồng	757	731	3,56%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	127	193	-34,20%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	114	194	-41,24%

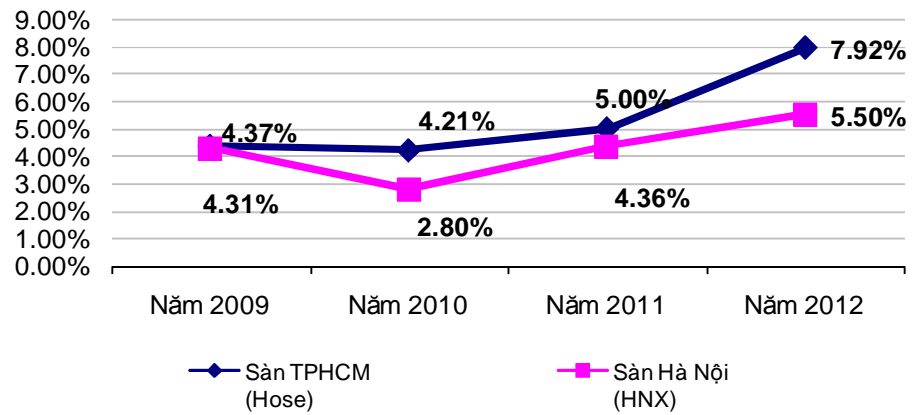
KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA ACBS 2010-2012
(Đơn vị tính: tỷ VNĐ)



CƠ CẤU DOANH THU CỦA ACBS



TĂNG TRƯỞNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỦA ACBS (2009-2012)



IV. VỀ ACBS

1. Tổng quan về ACBS

Tên chính thức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)

Tên tiếng Anh: ACB Securities Company

Ngày thành lập: Ngày 29 tháng 6 năm 2000, do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) làm chủ sở hữu, theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000.

Hội sở chính:

107N Trương Định, phường 06, quận 03, Tp.Hồ Chí Minh

Mạng lưới chi nhánh:

Hiện nay, hệ thống chi nhánh/phòng giao dịch của ACBS đã có mặt tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, TP.Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh

Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Tư vấn tài chính doanh nghiệp:

- Tư vấn mua lại và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn phát hành chứng khoán (Phát hành lần đầu (IPO), phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ)
- Tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn đăng ký giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)
- Tư vấn định giá cổ phần doanh nghiệp
- Tư vấn cổ phần hóa các Doanh nghiệp
- Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp (từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần)
- Tư vấn và thực hiện đấu giá bán cổ phần
- Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn quan hệ với nhà đầu tư
- Quản lý sổ cổ đông
- Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

2. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ACBS

2.1 Quá trình hình thành:

Tháng 6/2000, ACBS được thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

Sau hơn 12 năm hoạt động, ACBS đã và đang phát triển lớn mạnh về tiềm lực tài chính, mạng lưới hoạt động, chất lượng dịch vụ, và được đánh giá là một trong các công ty chứng khoán hàng đầu và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2.2 Quá trình phát triển:

Tăng trưởng về vốn:

Từ số vốn điều lệ khiêm tốn khi thành lập là 43 tỷ đồng, ACBS đã trải qua 5 lần tăng vốn như sau:

- Tháng 9/2005: Vốn điều lệ là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Tháng 5/2006: Vốn điều lệ là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tháng 9/2007: Vốn điều lệ là 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng)
- Tháng 1/2008: Vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng)
- Tháng 11/2009 đến nay: Vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng)

Tăng trưởng về nhân sự

Trong năm 2012, tổng số nhân viên của ACBS là 278 người, giảm 9% so với 2011.

Mạng lưới

Đến cuối năm 2012: Hội sở; 1 Văn phòng đại diện, 13 Chi nhánh; 05 PGD.

3. Giá trị cốt lõi

AN TOÀN
CHUYÊN NGHIỆP
BẢO MẬT
SÁNG TẠO

4. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển

4.1 Tầm nhìn và sứ mệnh:

Tầm nhìn

Tận dụng cơ hội tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán Việt Nam để tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế, trở thành một Ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Việt Nam.

Sứ mệnh:

- ✓ Là nhà môi giới tận tụy phục vụ khách hàng,
- ✓ Là kênh đầu tư của tập đoàn ACB,
- ✓ Là đối tác đáng tin cậy của doanh nghiệp để tìm kiếm các giải pháp tài chính,
- ✓ Là nơi thuận lợi để phát triển sự nghiệp và cuộc sống của tập thể cán bộ nhân viên,
- ✓ Là thành viên đóng góp tích cực trong việc tối đa hóa giá trị cổ đông của công ty mẹ.

4.2 Mục tiêu trong giai đoạn 2011-2015:

Trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tư có quy mô và thị phần lớn nhất, hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả ở Việt Nam.

4.3 Chiến lược phát triển:

- Nâng cao năng lực tài chính và quản lý rủi ro, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào hoạt động và quản trị.
- Nâng cao năng lực vận hành cũng như đảm bảo an toàn và ổn định hệ thống.
- Mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

5. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp

Kể từ ngày thành lập cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, ACBS không có sự thay đổi nào về tỷ lệ vốn góp.

Các dữ liệu thống kê về thành viên góp vốn:

- Thành viên góp vốn trong nước: Tính đến ngày 31/12/2011, 100% vốn góp của ACBS do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) góp vốn.
- Thành viên góp vốn nước ngoài: Đến cuối năm 2011, ACBS không có thành viên góp vốn nước ngoài.

6. Các công ty có liên quan

6.1 Công ty nắm trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của ACBS: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Tình hình hoạt động của ACB năm 2012:

ACB đã trải qua năm 2012 trong bối cảnh nhiều biến động của thị trường, của ngành ngân hàng nói chung, đồng thời phải đối mặt với biến cố xảy ra

trong tháng 8. Tình hình đó đòi hỏi ngân hàng phải tập trung nguồn lực để giải quyết và khắc phục hậu quả.

Đánh giá hoạt động của ACB trong năm 2012 như sau:

Mặt tích cực:

➤ **Về điều hành:**

- Điều hành linh hoạt, ứng phó tốt và khắc phục nhanh chóng sự cố rút tiền xảy ra trong tuần cuối tháng 8/2012. Thanh khoản và sự an toàn của ngân hàng được đảm bảo, không xảy ra thất thoát tài sản. Số dư huy động tiết kiệm VND khôi phục trong thời gian ngắn.
- Xử lý trạng thái vàng theo đúng tiến độ và chủ trương của Chính phủ và NHNN.
- Các chủ trương, chính sách tín dụng của NHNN được ACB triển khai nghiêm túc: giảm dần lãi suất cho vay; tăng trưởng tín dụng thận trọng, tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; cơ cấu danh mục tín dụng theo hướng ưu tiên lĩnh vực sản xuất, hạn chế cấp vốn tín dụng đối với lĩnh vực phi sản xuất, kinh doanh chứng khoán, bất động sản.

➤ **Hoạt động kinh doanh:**

- Tuy số dư huy động đến ngày 31/12/2012 giảm so số dư đầu năm nhưng tính bình quân trong năm, chỉ tiêu huy động vẫn tăng xấp xỉ 5% so với số dư bình quân năm 2011. Huy động tiết kiệm VND nguồn vốn ổn định. Đây là điểm đáng khích lệ trong bối cảnh ACB đã tuân thủ trần lãi suất huy động trong suốt thời gian dài và bị ảnh hưởng bởi sự cố rút tiền trong tháng 8.
- Lành mạnh hóa cơ cấu bảng tổng kết tài sản thông qua việc xử lý triệt để các tồn đọng liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng.
- Hoạt động kênh phân phối: Lợi nhuận của hệ thống kênh phân phối đạt mức xấp xỉ năm 2011, đóng vai trò then chốt trong việc cấu thành lợi nhuận của ACB.

➤ **Quản lý rủi ro:**

- Xây dựng, hoàn chỉnh khuôn khổ quản lý rủi ro về quy trình chính sách.
- Cấu trúc thanh khoản khá vững chắc, hệ số an toàn vốn mạnh. Hệ số an toàn vốn bình quân trong năm đạt 11,2% và đạt 13,5% tại thời điểm 31/12/2012.

Mặt hạn chế:

Các chỉ tiêu kinh doanh của ACB chưa đạt kế hoạch đề ra đầu năm. Số liệu cụ thể đến ngày 31/12/2012 theo báo cáo kiểm toán hợp nhất:

- Tổng tài sản: 176,3 ngàn tỷ, giảm 37% so đầu năm.
- Huy động tiền gửi khách hàng: 140,7 ngàn tỷ, giảm 24% so đầu năm

- Dự nợ cho vay khách hàng: 102,8 ngàn tỷ, biến động không đáng kể so đầu năm.
- Tỷ lệ nợ xấu nhóm 3 nhóm 5 ở mức 2,5%, tăng so với mức 0,89% tại thời điểm đầu năm.
- Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là 1.042,67 tỷ.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Tổng tài sản giảm chủ yếu do giảm nguồn vốn huy động vàng theo chủ trương của Chính phủ và NHNN.
- Lỗ do tất toán trạng thái vàng theo yêu cầu của NHNN trong điều kiện thị trường khó khăn.
- Việc mở rộng tín dụng trên thị trường cho vay dân cư, tổ chức kinh tế và thị trường liên ngân hàng trong năm gặp nhiều khó khăn. Thanh khoản ưu tiên phục vụ chi trả trong thời gian xảy ra sự cố và phục vụ cho việc tất toán trạng thái vàng.
- Việc mở rộng mạng lưới hoạt động trong năm 2012 gặp khó khăn do chủ trương hạn chế của NHNN nên các chi phí đầu tư về nhân lực, tài sản, xây dựng cơ bản cho công tác phát triển mạng lưới chưa được sử dụng hiệu quả.
- Quản lý rủi ro: Các rủi ro về thay đổi chính sách, rủi ro về pháp lý chưa được dự báo, đánh giá đúng mức để kiểm soát hữu hiệu.
- Do tình hình khó khăn chung nên kết quả kinh doanh của các công ty trực thuộc và các Trung tâm không đạt được mức kỳ vọng cao
- Tiến độ thực hiện các dự án chiến lược bị gián đoạn bởi nguồn lực tập trung khắc phục sự cố.

Kế hoạch hoạt động năm 2013

- Định hướng chung:

Khôi phục dần quy mô hoạt động, uy tín và thị phần theo hướng tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi; đồng thời củng cố, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực nhằm tạo tiền đề tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

- Các chỉ tiêu tài chính:

- Tổng tài sản dự kiến tăng lên mức 183.000 tỷ.
- Tăng trưởng huy động khách hàng: 12% (từ 142 ngàn tỷ lên 159 ngàn tỷ).
- Tăng trưởng tín dụng: 12%.
- Lợi nhuận trước thuế tập đoàn khoảng 1.800 tỷ

Tín dụng: đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng với việc điều chỉnh chính sách, sản phẩm tín dụng theo định hướng khách hàng; cải tiến quy

trình, cơ chế thẩm định, xét duyệt tín dụng, chính sách thẩm định giá tài sản theo hướng tinh gọn, hợp lý hiệu quả hơn; triển khai nhanh, sâu rộng các chương trình kinh doanh đến từng khu vực kênh phân phối.

Huy động: Chính sách lãi suất huy động trong năm 2013 sẽ được điều hành trên cơ sở phù hợp với khả năng sử dụng vốn, đồng thời đảm bảo mục tiêu an toàn và củng cố thanh khoản.

Hoạt động liên ngân hàng: khôi phục hoạt động liên ngân hàng theo quy chế mới song song với việc tích cực xử lý các tồn đọng.

Cơ cấu các danh mục đầu tư: chỉ duy trì các danh mục đầu tư có liên quan đến hoạt động cốt lõi của ngân hàng.

6.2 Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do ACBS nắm giữ

ACBS hiện góp 100% vốn vào công ty quản lý quỹ ACB (ACBC).

Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ ACB (ACBC) năm 2012 và kế hoạch năm 2013:

Trong xu hướng phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam do kỳ vọng phục hồi kinh tế, Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB đã nhận quyết định niêm yết và chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại HOSE với mã giao dịch ASIAGF vào ngày 26/06/2012. Đây là quỹ đại chúng ACBC đã huy động được trong năm 2011 với quy mô 240,08 tỷ đồng.

Kết thúc năm tài chính 2012, ACBC đạt doanh thu 8,27 tỷ đồng, trong đó có 1,37 tỷ đồng từ phí quản lý quỹ mang lại. Lợi nhuận trước thuế xấp xỉ 3,88 tỷ đồng. Trong năm hoạt động, Công ty luôn thực hiện tốt và đảm bảo về tỷ lệ an toàn tài chính theo yêu cầu luật định.

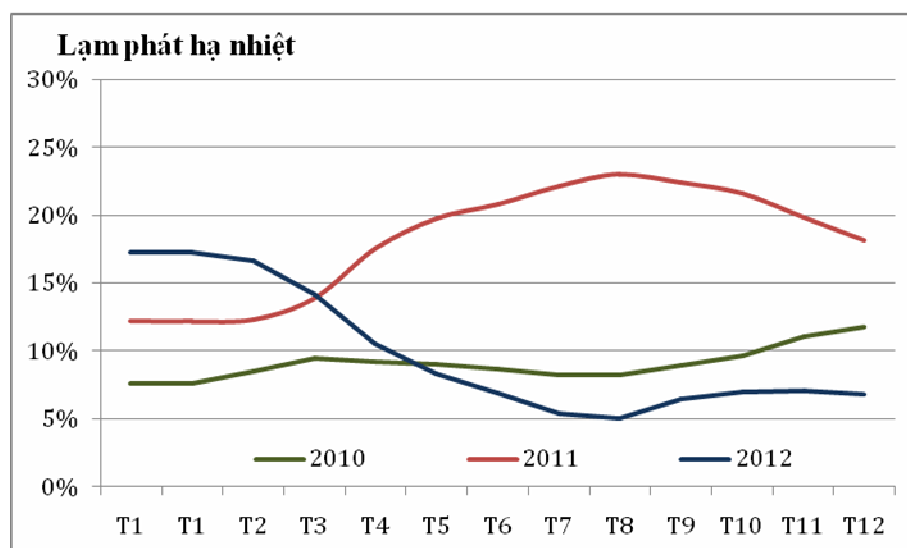
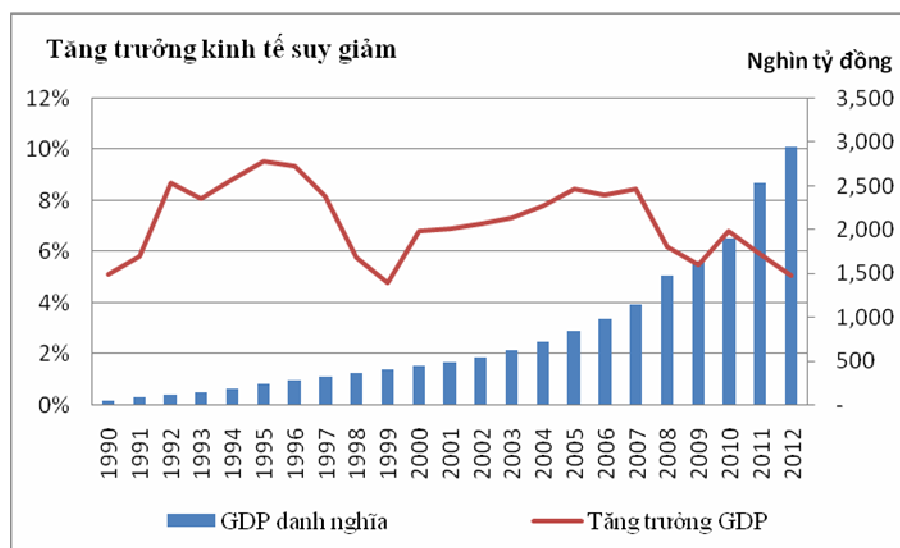
Tính đến 31/12/2012, giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) đạt 273,09 tỷ đồng tương ứng 11.375 đồng/chứng chỉ quỹ.

Theo kế hoạch năm 2013, ACBC sẽ tập trung quản lý Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB; mở rộng tìm kiếm các cơ hội nhằm phát triển dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, ủy thác đầu tư; tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp; theo dõi tình hình thị trường và hợp tác với ACBS huy động Quỹ thành viên, quỹ mở.

V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ACBS NĂM 2012

1. Môi trường kinh tế Việt Nam 2012 và dự báo năm 2013

Năm 2012 là một năm tương đối thành công cho kinh tế Việt Nam khi các mục tiêu vĩ mô chính được đề ra bởi Chính phủ đều hoàn thành. Về mặt ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát đã giảm mạnh từ mức 18,13% trong năm 2011 xuống chỉ còn 6,81% cuối năm 2012, mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, một phần thành công này đến từ nhu cầu tiêu dùng trong nước suy yếu, chỉ tăng 3,4% khi loại trừ yếu tố giá, và điều này càng được thể hiện rõ nét hơn khi chỉ số giá tiêu dùng trong hai tháng cuối năm chỉ tăng 0,47% và 0,27%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm.



Nguồn: Tổng cục Thống kê và ACBS (2013)

Bên cạnh đó, tỷ giá trên thị trường ngoại hối cũng đã có một năm ổn định. Tỷ giá chính thức tại Ngân hàng Nhà nước giữ ở mức 20.828 đồng/USD, trong khi đó, tỷ giá trên thị trường tự do và thị trường liên ngân hàng dao động trong biên độ hẹp 20.800 – 20.900 đồng/USD. Sự ổn định của tỷ giá trong thời gian vừa qua phần lớn được hỗ trợ bởi sự cải thiện đáng kể của cán cân thương mại cũng như lượng vốn FDI giải ngân mặc dù nền kinh tế Thế giới vẫn còn trong giai đoạn trì trệ. Cụ thể, cán cân thương mại tổng thể ước tính thặng dư 5,26 tỷ USD, trong khi đó, lượng vốn FDI giải ngân duy trì ở mức 10,46 tỷ USD. Điều này giúp Ngân hàng Nhà nước có thể tăng cường dự trữ ngoại hối cũng như chủ động can thiệp, bình ổn thị trường này.

Ngoài việc có thể bình ổn thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước cũng đã thành công trong việc cải thiện tình hình thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Với tổng vốn huy động tăng hơn 20%, trong khi tín dụng chỉ tăng thấp 8,9%, tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm qua tại 97% từ mức đỉnh 116% vào giữa năm 2011. Do đó, thanh khoản hệ thống ngân hàng đã cải thiện đáng kể, và các ngân hàng cũng có dư thừa nguồn vốn để mua hơn 156 nghìn tỷ đồng trái phiếu cũng như 200 nghìn tỷ đồng tín phiếu.

Tuy nhiên, mặc dù Chính phủ đã đạt được những thành công bước đầu trong việc kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô nói chung, nền kinh tế lại có một năm tăng trưởng không mấy lạc quan. Chỉ số GDP chỉ tăng 5,03%, mức tăng thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Trong đó, nhu cầu tiêu dùng hộ gia đình suy giảm khi doanh thu bán lẻ chỉ tăng 16% so với mức tăng 24,2% trong năm 2011. Điều này khiến cho tiêu dùng cuối cùng chỉ tăng được 3,7% khi loại trừ yếu tố giá. Ngược lại, với việc tăng cường đầu tư từ khối Nhà nước nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, Tích lũy tài sản gộp có thể duy trì mức tăng 2,2% sau khi giảm mạnh 9,2% trong năm trước đó.

Trong năm 2013, lạm phát cả nước dự kiến có thể tăng cao trở lại do đà tăng của giá nhóm lương thực, thực phẩm, cùng với nhóm hàng nhiên liệu và năng lượng. Bên cạnh đó, việc nới lỏng cung tiền phục vụ các đề án tái cấu trúc, và thúc đẩy kinh tế vĩ mô, nếu không được kiểm soát tốt có thể gây áp lực lên lạm phát. Ở một khía cạnh khác, tăng trưởng kinh tế được dự báo sẽ giữ ở mức thấp, ước tính đạt 5,5% so với cùng kỳ. Trong đó, cán cân thương mại dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ mạnh cho tăng trưởng, ngược lại, tiêu dùng có thể sẽ vẫn giữ ở mức thấp.

Đối với thị trường ngoại hối, tỷ giá có thể sẽ tiếp tục ổn định, và khả năng phá giá tiền đồng, nếu xảy ra, chỉ ở trong biên độ 1-3% do mục tiêu chính của NHNN vẫn là kiềm chế lạm phát. Bên cạnh đó, thị trường tiền tệ nhiều khả năng sẽ vẫn tiếp tục ổn định với thanh khoản duy trì ở mức cao trong toàn hệ thống. Tuy nhiên, trần lãi suất nhiều khả năng sẽ khó giảm sâu hơn do lạm phát trong năm nay khó đạt mức thấp hơn đáng kể năm vừa rồi.

2. Hoạt động môi giới

2.1 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng cá nhân:

Trong năm 2012, vượt qua những khó khăn, ACBS vẫn duy trì hiệu quả kinh doanh, đứng vị trí thứ 3 về thị phần môi giới chứng khoán niêm yết tại cả hai sàn HOSE và HNX. Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của ACBS lần lượt tại SGDCK TP.HCM là 7.92% và tại SGDCK Hà Nội là 5.5%. Ngoài ra, ACBS là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường tách bạch trong quản lý tài khoản chứng khoán và tài khoản tiền của khách hàng, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng.

Với hệ thống giao dịch luôn được vận hành an toàn, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các rủi ro; chất lượng báo cáo nghiên cứu và phân tích cũng không ngừng được hoàn thiện và nâng cao.

So với năm 2011, hoạt động giao dịch chứng khoán trong năm 2012 diễn ra khá sôi động, đặc biệt là 6 tháng đầu năm 2012. Chỉ số Vn-Index dao động từ 350 điểm tại thời điểm đầu năm đến 413.7 điểm tại thời điểm cuối 2012 còn HNX-Index có mức độ dao động nhỏ hơn từ 56.79 điểm vào đầu năm 2012 tới 57.09 điểm vào cuối năm. Mức độ cạnh tranh về thị phần môi giới của các thành viên tham gia thị trường rất quyết liệt và một số công ty chứng khoán phải thu hẹp hoạt động và rời bỏ thị trường.

Với kinh nghiệm và sự nhạy bén, ACBS đã thực hiện nhiều biện pháp, chính sách đa dạng, phù hợp với từng thời điểm và nhu cầu của thị trường, nhằm củng cố và gia tăng thị phần.

- Hoàn thiện quy chế phân nhóm khách hàng tại kênh phân phối nhằm mục tiêu quản lý chăm sóc khách hàng tốt hơn.
- Phát triển các gói sản phẩm tài chính phục vụ cho nhu cầu của từng nhóm khách hàng chuyên biệt.
- Hoàn thiện quy chế tính hoa hồng môi giới, khuyến khích NVMG-TVĐT phát huy năng lực và chi trả hoa hồng phù hợp với năng suất, hiệu quả làm việc thực tế của NV MG-TVĐT.
- Xây dựng chính sách đào tạo, tái đào tạo và định hướng phát triển nghề nghiệp của NV MG-TVĐT.
- Bổ sung thông tin cần thiết, tăng cường kết nối trao đổi thông tin trong toàn công ty giúp đội ngũ MG-TVĐT tư vấn khách hàng tốt hơn.

2.2 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng tổ chức:

Năm 2012 là năm ghi nhận nguồn vốn ngoại khá lớn đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam, chủ yếu là các doanh nghiệp bluechips. Với ưu thế về công nghệ cũng như đội ngũ nhân viên tận tâm, chuyên nghiệp, ACBS đã đồng hành với các tổ chức định chế trong và ngoài nước. Số lượng khách hàng mới mở tài khoản giao dịch tại ACBS tăng cùng với mức tăng doanh thu ấn tượng.

Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh, kể từ tháng 6/2012, ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài giao dịch chứng khoán với công ty. Thông qua hệ thống SWIFT, các giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại ACBS sẽ được ghi nhận và phong toả tự động, an toàn, rõ ràng và minh bạch tại ngân hàng lưu ký. Thời gian thực hiện giao dịch của ACBS cũng như các rủi ro phát sinh trong quá trình giao dịch được giảm thiểu.

Để tiếp nối những thành quả trong năm vừa qua, ACBS đã có kế hoạch đầu tư mạnh vào hệ thống công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng thực hiện giao dịch nhanh nhất, tốt nhất. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới ở các thị trường trọng điểm như EU, Đông Á và Bắc Mỹ.

3. Hoạt động đầu tư chứng khoán năm 2012

3.1 Nhân định về tình hình đầu tư cổ phiếu và kết quả đạt được

Trước tình hình lạm phát tăng cao cùng với vấn đề thanh khoản của hệ thống ngân hàng năm 2011, Chính phủ đã thành công trong việc bình ổn kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách thắt chặt tiền tệ. Tình hình lạm phát được kiểm soát tốt, giảm mạnh từ 18,13% trong năm 2011 xuống 6,81% trong năm 2012 với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 ở mức 5,03%.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng chính sách thắt chặt tiền tệ, thị trường chứng khoán trong nước gặp nhiều khó khăn do nguồn cung vốn bị siết chặt cùng với thanh khoản của hệ thống ngân hàng chưa cải thiện nhiều, phản ánh rõ điều này với xu hướng giảm điểm là xu hướng chủ đạo. Trong năm 2012, thị trường chỉ có một đợt hồi phục ngắn hạn từ đầu năm đến đầu tháng 5/2012 với chỉ số VN-Index và HNX-Index ở mức đỉnh của 2012 lần lượt là 486 điểm và 83 điểm (tại ngày 10/5/2012). Như vậy, so với đỉnh tạo lập ngày 10/5/2012, chỉ số VN-Index và HNX-Index cuối năm 2012 lần lượt giảm 14,8% và 31,3%. Chốt phiên ngày 29/12/2012, VN-Index và HNX-Index lần lượt đóng cửa ở 414 điểm và 57 điểm.

Năm 2012, theo thống kê sơ bộ có khoảng 60% công ty chứng khoán báo cáo thua lỗ, nhiều công ty chứng khoán có lỗ lũy kế trên 50% vốn điều lệ và đang đối mặt với nguy cơ đóng cửa. Các công ty chứng khoán trên thua lỗ do tình hình thị trường sụt giảm nghiêm trọng, dẫn đến danh mục tự doanh bị lỗ thực tế hoặc phải trích lập dự phòng.

Riêng Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS), lợi nhuận sau thuế đạt được năm 2012 là **114,11 tỷ đồng** - là kết quả tốt với nhiều nỗ lực thực hiện trong năm 2012.

Hoạt động đầu tư và kinh doanh cổ phiếu của ACBS cũng gặp khó khăn trong năm 2012. Trong năm, ACBS đã tập trung vào các ngành đầu tư tiềm năng với danh mục đầu tư chất lượng và đa dạng hóa.

Tình hình đầu tư năm 2012 như sau:

- Tổng giá trị đầu tư tài chính ngắn hạn tính đến 31/12/2012: 1.963,74 tỷ đồng
- Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn : 492,43 tỷ đồng
- Tổng giá trị đầu tư tài chính : 2.456,17 tỷ đồng**

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn đạt 565,04 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn và sẵn sàng bán: 363,4 tỷ đồng.
- Thu nhập cổ tức: 73,11 tỷ đồng.
- Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư: 125,11 tỷ đồng.

Tuy nhiên, ACBS cũng cơ cấu lại danh mục đầu tư để phù hợp với tình hình thị trường và đã ghi nhận khoản lỗ như sau:

- Lỗ từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn: (172,4) tỷ đồng.
- Chi phí trích lập dự phòng: (67,19) tỷ đồng.

Tóm lại, mặc dù diễn biến thị trường chứng khoán không thuận lợi nhưng hoạt động đầu tư vẫn là một hoạt động đóng góp lợi nhuận chính cho ACBS trong năm 2012.

3.2 Nhận định về tình hình đầu tư trái phiếu và kết quả đạt được

Năm 2012 là năm huy động, phát hành trái phiếu Chính phủ đạt kỷ lục, kể từ khi thị trường này được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vận hành chính thức ngày 24/9/2009, với tổng giá trị huy động trên 210 nghìn tỷ đồng (bao gồm trái phiếu chính phủ và cả tín phiếu kho bạc), vượt kế hoạch huy động đề ra.

Thị trường trái phiếu Việt Nam còn phát triển khiêm tốn, chỉ chiếm 16 – 17% GDP và tính thanh khoản của thị trường đang diễn ra ở mức thấp. Năm 2012, tổng giá trị giao dịch trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính phủ bảo lãnh đạt khoảng 160 nghìn tỷ đồng. Lãi suất huy động giảm mạnh xuống mức 8% vào cuối năm 2012 so với mức 14% vào đầu năm 2012, đường cong lợi suất trái phiếu chính phủ giảm mạnh theo từ 13 – 14% xuống còn khoảng 8 - 9%.

Hoạt động kinh doanh trái phiếu của các công ty chứng khoán đã thu hẹp nhiều. Sân chơi trái phiếu chính phủ trả về cho các ngân hàng thương mại với ưu thế mạnh về năng lực tài chính, vị thế và chức năng vận hành.

Lợi suất trái phiếu chính phủ ở quanh mức 8 - 9% hiện đang thấp hơn cả chi phí vốn đầu tư khoảng 15% của ACBS. Do đó, đầu tư trái phiếu chính phủ trước mắt không thuận lợi cho ACBS. Doanh thu từ trái phiếu chính phủ chỉ đạt 1.538.000.000 đồng.

Nhìn chung, năm 2012 là năm không thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, luồng sinh khí tăng điểm đã bắt đầu xuất hiện từ đầu năm 2013.

Sang năm 2013, chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế vận động theo hướng ổn định hơn và thị trường chứng khoán sẽ phục hồi lành mạnh hơn. Do đó, hoạt động đầu tư thật sự tạo được nguồn doanh thu lớn hơn cho ACBS dựa trên những nhận định đầu tư đã được hoạch định từ năm 2012 và sẽ gặt hái trong năm 2013.

4. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tư vấn tài chính doanh nghiệp là nhân tố quan trọng trong mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư của ACBS. Năm 2012, ACBS đã triển khai hơn 80 hợp đồng tư vấn có nội dung đa dạng bao gồm tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, niêm yết, phát hành cổ phiếu ra công chúng, mua bán sáp nhập, thu xếp vốn cho doanh nghiệp.

ACBS - tổ chức tài chính trung gian đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp.

Hoạt động thu xếp vốn là một trong những thế mạnh của ACBS: với hệ thống khách hàng định chế rộng lớn và sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ - ACB, ACBS tiến hành các đợt thu xếp vốn qua nhiều hình thức khác nhau cho các khách hàng có nhu cầu về vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu tài chính. Tiêu biểu trong năm 2012, ACBS đã thu xếp thành công 1.700 tỷ đồng trái phiếu cho Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và tiếp tục triển khai thu xếp vốn cho Công ty cổ phần Tập Đoàn Mặt Trời, Tổng Công ty Tín Nghĩa và các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm, bán lẻ...

ACBS – nhà tư vấn chuyên nghiệp và hiệu quả.

Trên cơ sở nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm dày dặn trên thị trường chứng khoán, ACBS luôn nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng với tư cách là **Cộng sự đắc lực và hiệu quả**.

- **Tư vấn phát hành:** Trong bối cảnh huy động vốn năm 2012 khó khăn, ACBS đã thu xếp thành công cho khách hàng trong đợt chào bán ra công chúng góp phần phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Tư vấn niêm yết chứng khoán:** ACBS đã tư vấn cho chứng chỉ quỹ ASIAGF giao dịch chính thức trên HSX vào ngày 26/06/2012, niêm yết cổ phiếu DHL của Công ty Cổ phần Cơ khí Vận Tải Thương mại Đại Hưng trên HNX và niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trên HSX. Bên cạnh đó, ACBS đã ký kết hợp đồng tư vấn và đang trong quá trình thực hiện hồ sơ niêm yết cho các doanh nghiệp khác trong năm 2013, với tổng giá trị chứng khoán niêm yết dự kiến 5.000 tỷ đồng (theo mệnh giá).
- **Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A):** ACBS đã ký kết và đang trong giai đoạn thực hiện một số hợp đồng tư vấn M&A của các công ty trong

ngành sản xuất, dệt may, thực phẩm và đồ uống...và dự kiến hoàn tất trong năm 2013.

- *Tư vấn Bán đấu giá:* Năm 2012, ACBS đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn Nhà nước tại nhiều doanh nghiệp. Kết quả khả quan này đã góp phần khẳng định năng lực của ACBS trong việc tổ chức và thu hút nhà đầu tư đến với các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Dự án tiêu biểu năm 2012

Tên khách hàng	Dịch vụ ACBS cung cấp
<p style="text-align: center;">CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI</p> 	<p>Tư vấn phát hành trái phiếu</p> <p>Tổng giá trị trái phiếu thu xếp thành công: 1.700 tỷ đồng</p>
<p style="text-align: center;">CTCP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KIÊN GIANG</p> 	<p>Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng</p> <p>Tổng giá trị vốn huy động: 50 tỷ đồng</p>
<p style="text-align: center;">CTCP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH</p> 	<p>Tư vấn niêm yết bổ sung</p> <p>Tổng giá trị chứng khoán niêm yết bổ sung: 120 tỷ đồng</p>

Kế hoạch năm 2013:

ACBS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn và thu xếp vốn cho các doanh nghiệp; với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính cùng với mạng lưới các nhà đầu tư rộng lớn, ACBS tin tưởng sẽ tạo nên các giá trị cộng thêm cho các khách hàng của mình.

5. Nghiên cứu & Phân tích

Trung tâm Phân tích được thành lập với mục đích cung cấp đến khách hàng của ACBS cũng như các đơn vị nội bộ các báo cáo phân tích đa dạng, toàn diện và độc lập liên quan đến các vấn đề kinh tế và thị trường cổ phiếu, trái phiếu. Nhằm thực hiện mục tiêu trên, Trung tâm Phân tích ACBS tiếp tục cam kết với các chuẩn mực cao nhất của nghiệp vụ phân tích: **Cần trọng, Trung thực và Độc lập.**

Trong năm 2012, Trung tâm Phân tích đã tập trung nâng cao chất lượng cũng như số lượng các sản phẩm phân tích bao gồm các bản tin và các báo cáo về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu và trái phiếu, cung cấp thông tin đến khách hàng kịp thời và chính xác nhằm hỗ trợ quyết định đầu tư.

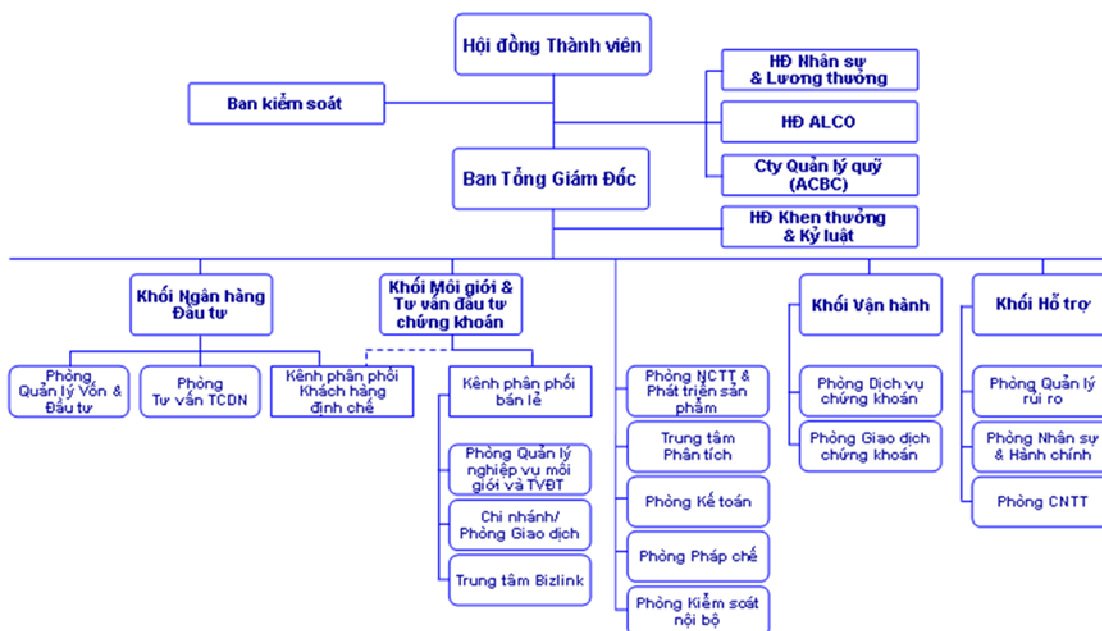
Danh mục phân tích cổ phiếu niêm yết đã được mở rộng đến trên 60 cổ phiếu, tương ứng với 70% giá trị vốn hóa của hai sàn niêm yết với 12 ngành kinh doanh chính. Ngoài các báo cáo đại chúng, Trung tâm Phân tích cũng thực hiện các báo cáo chuyên biệt theo yêu cầu của khách hàng hoặc các đơn vị nội bộ.

Trong năm 2013, Trung tâm Phân tích ACBS sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao chất lượng và số lượng báo cáo phân tích nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Trong quá trình phát triển, những thành tựu mà ACBS đạt được là sự cống hiến của tập thể cán bộ quản lý và nhân viên của công ty. ACBS cũng nhận thức rõ nguồn nhân lực là tài sản quý giá của công ty. Do đó, ACBS luôn hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả để mọi thành viên có điều kiện phát huy năng lực và kiến thức của mình, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy tinh thần học hỏi, chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong công ty.

1. Sơ đồ tổ chức



2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát

Năm 2012, ACBS đã có sự thay đổi thành viên Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát

2.1 Hội đồng Thành viên

Với 04 thành viên trong HĐQT, bao gồm 01 chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT

Ông BUI TẤN TÀI – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Bùi Tấn Tài tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Nam California - Hoa Kỳ, Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Ông vào làm việc tại ACB năm 1995, từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Phòng Thẩm định Tín dụng, Trưởng Phòng Hỗ trợ Tín dụng, Phó Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc chi nhánh. Ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc năm 2007. Hiện nay ông là Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp, thành viên thường trực Ủy ban Tín dụng, ủy viên Hội đồng Đầu tư, ủy viên Hội đồng Xử lý rủi ro ACB. Ông được bổ

nhệm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB từ tháng 09/2012.

Ông PHẠM PHÚ KHÔI – Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Phạm Phú Khôi là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Tài chính Trường Wharton, Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), cử nhân Kinh tế Hàng không Trường Đại học Hàng không Dân dụng Riga (Liên Xô cũ). Ông đã có hơn 10 năm làm việc trong ngành Hàng không Việt Nam với vị trí Giám đốc khu vực Đông Bắc Á. Ông làm việc trong ngành Tài chính từ năm 1999, với hơn 12 năm kinh nghiệm trong ngành, Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các Ngân hàng hàng đầu tại nhiều quốc gia như Chuyên viên đầu tư Ngân hàng Đầu tư Barclay - London, Hong Kong; Giám đốc đầu tư giao dịch Tín dụng Quốc tế - Khu vực Châu Á Ngân hàng Standard Chartered - Singapore; Giám đốc khu vực Việt Nam Ngân hàng America Merrill Lynch - Singapore. Hiện nay, Ông là thành viên Hội đồng thành viên, và đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ông LÊ BÁ DŨNG – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Lê Bá Dũng tốt nghiệp Chương trình Edison và Chương trình phát triển lãnh đạo toàn cầu của Công ty GE. Ông cũng tốt nghiệp Thạc sỹ ngành cơ điện Trường Đại học New York (Hoa Kỳ) và Thạc sỹ Quan hệ quốc tế Trường Đại học Georgetown (Hoa Kỳ). Trước khi làm việc tại ACB, ông là Giám đốc điều hành và Giám đốc Quản lý rủi ro mảng dịch vụ y tế tại GE Capital Asia Pacific thuộc GE Capital và sau đó là Giám đốc Quản lý rủi ro toàn cầu về hợp nhất và sáp nhập (M&A) của Khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng Standard Chartered. Hiện nay, Ông là Giám đốc Quản lý rủi ro, thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên Ủy ban Tín dụng, thành viên ALCO tại ACB, thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ông VIJAY MAHESHWARI – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Vijay Maheshwari tốt nghiệp đại học năm 1987 với học vị Cử nhân Thương mại (hạng danh dự) của Trường Đại học Calcutta, Ấn Độ. Ông cũng là thành viên của Viện Kế toán công chứng Ấn Độ (Institute of Chartered Accountants of India) từ năm 2001. Trước khi làm việc tại ACB, ông là Chủ tịch Hiệp hội Các nhà ngân hàng nước ngoài tại Indonesia, là kế toán viên công chứng với 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng Standard Chartered. Hiện nay ông giữ vị trí Giám đốc Tài chính ACB, thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

2.2 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của ACBS đến thời điểm hiện tại có 1 thành viên là Kiểm soát viên

Ông HUỖNH HIẾU NGHĨA – Kiểm soát viên

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Cao cấp Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh và có hơn 20 năm kinh nghiệm công tác trong ngành

Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện nay cũng đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

2.3 Các hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát:

Năm 2012 là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán, do đó ngoài các buổi họp định kỳ theo quy định, HĐQT ACBS còn phải thường xuyên có những chỉ đạo sâu sát, kịp thời để ACBS có thể vượt qua những khó khăn này.

Các nội dung chính đã được HĐQT quyết định trong năm 2012, bao gồm:

- Thông qua việc triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ,
- Thông qua việc huy động vốn cho ACBS dưới hình thức phát hành trái phiếu,
- Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động của ACBS cho phù hợp với tình hình mới.

2.4 Thay đổi thành viên HĐQT, Ban TGD và kiểm soát viên:

Trong năm qua, với nhu cầu đổi mới lãnh đạo cấp cao, nhằm bảo đảm các thành viên HĐQT có thời gian tham gia vào hoạt động quản trị ACBS nhiều hơn nữa, ngân hàng Á Châu (ACB) đã có sự thay đổi toàn diện về nhân sự trong Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát

Cụ thể, Hội đồng thành viên cũ bao gồm các ông Lê Vũ Kỳ, Trịnh Kim Quang, Đỗ Minh Toàn, Trần Hùng Huy, là những người đồng thời nắm giữ các vị trí trọng yếu tại ACB, đã được thay thế bởi các ông Bùi Tấn Tài, Phạm Phú Khôi, Lê Bá Dũng, Vijay Maheshwari.

Ông Nguyễn Văn Hoà – Kiểm soát viên được thay thế bởi ông Huỳnh Hiếu Nghĩa.

Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng bằng những kinh nghiệm sâu rộng về phát triển thị trường, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát hoạt động, các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát mới sẽ mang lại cho ACBS sự phát triển mạnh mẽ trong kết quả kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát được các yếu tố rủi ro mà ACBS có thể đương đầu trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động.

3. Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Phú Khôi – Tổng Giám Đốc (xem thông tin thành viên HĐQT)

Ông Nguyễn Ngọc Chung – Phó Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung có 23 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng, trong đó có hơn 18 năm kinh nghiệm quản lý tại những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Ông Nguyễn Ngọc Chung đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc của ACBS từ năm 2005, phụ trách quản lý Khối Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bà Lê Thị Phương Dung – Phó Tổng Giám Đốc

Bà Lê Thị Phương Dung tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế (Trường Đại học Kinh tế TP.HCM), Cử nhân Anh Văn (Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM) và có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Lê Thị Phương Dung có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo ở những vị trí quan trọng tại Ngân hàng ACB.

Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về vận hành trong hệ thống Ngân hàng ACB, hiện nay, Bà Lê Thị Phương Dung đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc ACBS – phụ trách Khối Vận hành và một số đơn vị thuộc Khối Hỗ trợ.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số cán bộ, nhân viên của ACBS là **248** người.

Trong đó có **184** nhân viên đủ điều kiện cấp hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán, **14** nhân viên có chứng chỉ đại diện sàn các loại. Ngoài ra, ACBS còn thu hút được nhân sự là các nhà quản lý, chuyên viên có quốc tịch nước ngoài hoặc được đào tạo ở nước ngoài và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong các tập đoàn tài chính lớn của Việt Nam.

5. Chính sách dành cho nhân viên

5.1 Chính sách đào tạo

Trong năm 2012, ACBS đã tổ chức các chương trình đào tạo dành cho các chức danh tại kênh phân phối nhằm đảm bảo năng lực, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhận. ACBS cũng đã tổ chức các khóa đào tạo về các kỹ năng bán hàng, kỹ năng phục vụ khách hàng cũng như kiến thức phân tích kỹ thuật cho đội ngũ nhân viên môi giới.

Bên cạnh chính sách tài trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tất cả nhân viên nghiệp vụ trong hệ thống, ACBS còn tài trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chuyên môn như CFA, CMT, ACCA, CCNA, CCNP, CPA, Phân tích dữ liệu và dự báo trong kinh doanh, Phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính, Phân tích đầu tư chuyên nghiệp, Nhà Môi giới chuyên nghiệp ... nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý.

5.2 Chế độ khen thưởng

Trong năm 2012, ACBS đã tổ chức các chương trình đào tạo dành cho các chức danh tại kênh phân phối nhằm đảm bảo năng lực, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhận. ACBS cũng đã tổ chức các khóa đào tạo về các kỹ năng bán hàng, kỹ năng phục vụ khách hàng cũng như kiến thức phân tích kỹ thuật cho đội ngũ nhân viên môi giới.

Bên cạnh chính sách tài trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tất cả nhân viên nghiệp vụ trong hệ thống, ACBS còn tài trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chuyên môn như CFA, CMT, ACCA,

CCNA, CCNP, CPA, Phân tích dữ liệu và dự báo trong kinh doanh, Phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính, Phân tích đầu tư chuyên nghiệp, Nhà Môi giới chuyên nghiệp ... nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý.

5.3 Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo tính chất, vị trí công việc đảm nhận mà nhân viên của ACBS còn nhận được các phụ cấp khác theo quy định của công ty.

5.4 Chế độ khác

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, ACBS còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết Nguyên đán, 30/4, 1/5...) và ngày kỷ niệm thành lập Công ty; bảo hiểm tai nạn; chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện “ACB Care”; hỗ trợ chi phí thành viên Câu lạc bộ sức khỏe; hỗ trợ phụ cấp sinh hoạt phí; cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm và chế độ nghỉ mát hàng năm, cho vay lãi suất ưu đãi...

6. **Kế hoạch phát triển và đào tạo nhân viên năm 2013**

Trong năm 2013, ACBS sẽ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh và hoàn thiện các chính sách, chương trình đào tạo và phát triển nhân viên thông qua các hoạt động như:

- Đào tạo các kỹ năng mềm cho nhân viên Môi giới để nâng cao trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp và kỹ năng bán hàng vượt trội.
- Đào tạo các kỹ năng mềm cho nhân viên dịch vụ và Kiểm soát viên của hệ thống kênh phân phối nhằm phục vụ khách hàng với chất lượng cao.
- Đẩy mạnh việc đào tạo để đạt chứng chỉ hành nghề cho tất cả các nhân viên nghiệp vụ.
- Tiếp tục thực hiện đào tạo nhân sự kế thừa, bổ sung kiến thức cho các Trưởng Đơn vị.
- Hỗ trợ đào tạo các chứng chỉ chuyên môn quốc tế như CFA, CMT, ACCA...cho các chức danh chuyên môn có liên quan.

VII.ACBS VÀ KHÁCH HÀNG

“Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (CIC) đã ký hợp đồng tư vấn chứng khoán với ACBS năm 2011 thực hiện việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu tại Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Với việc thực hiện thành công đợt phát hành ra công chúng trong năm 2012, chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến công ty và nhân viên ACBS mãi cán trong quá trình tư vấn cho CIC. Đội ngũ tư vấn của ACBS đã thật sự lắng nghe nhu cầu của chúng tôi, và từ đó, bằng kinh nghiệm chuyên môn của mình, họ đã đề xuất những phương án huy động vốn hiệu quả phù hợp thực trạng của công ty. Chính vì vậy chúng tôi tiếp tục tin nhiệm và sử dụng dịch vụ tư vấn phát hành của ACBS trong năm 2013” - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012
(Xem tài liệu đính kèm)
2. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2012
(Xem tài liệu đính kèm)

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHẠM PHÚ KHÔI

IX. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Hội sở ACBS

107 N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 54.043.054

Fax: (08) 54.043.085

2. Văn phòng đại diện Hà Nội

10 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (04) 39.411.014- 04. 39.411.013 – 04. 39.411.016

Fax: (04) 39.429.407

3. Chi nhánh Lê Ngô Cát

9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.302.428 – (08) 39.302.427 – (08) 39.302.426 – (08) 39.302.425

Fax: (08) 39.330.427

4. Chi nhánh Phan Đình Phùng

51 Phan Đình Phùng, P.17, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Điện thoại: (08) 54.046.636 – 54.046.34 – 54.046.635 – 54.046.638 - 54.046.639 – 54.046.641

Fax: (08) 54.046.648

5. Chi nhánh Sài Gòn

27B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.107.383 – (08) 39.107.380 – (08) 39.107.381

Fax: (08) 39.107.382

6. Chi nhánh Tân Bình

29 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.717.067 – (08) 39.717.066 – (08) 39.717.068 – (08) 39.717.069

Fax: (08) 39.717.081

7. Chi nhánh Chợ Lớn

747 Hồng Bàng, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.695.548

Fax: (08) 39.695.543

8. Chi nhánh Vũng Tàu

Lô A3-A8 111 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3.597.100

Fax: (064) 3.597.101

9. Chi nhánh Cần Thơ

17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3 824.510 – (0710) 3.825.625

Fax: (0710) 3.825.628

10. Chi nhánh Đà Nẵng

218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3.843.447

Fax: (0511) 3.843.445

11. Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại: (058) 3.528.179
Fax: (058) 3.528.188

12. Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 39.429.395 - (04) 39.429.396 – (04) 39.429.405 – (04) 39.429.237 –
(04) 39.427.395
Fax: (04) 39.429.407 – (04) 39.429.656 – (04) 39.364.373

13. Chi nhánh Huỳnh Thúc Kháng

29 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 39.334.780 – (04) 39.334.781 – (04) 39.334.782
Fax: (04) 39.334.785

14. Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3.569.998 – (031) 3.569.995
Fax: (031) 3.569.989

15. Chi nhánh Quảng Ninh

747-749 Lê Thánh Tông, Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh
Điện thoại: (033) 3.818.808 - 3.818.299
Fax: (033) 3.818.881 – 3.818.882

16. Phòng giao dịch Bình Hòa 2

256 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62.978.612
Fax: (08) 62.978.613

17. Phòng giao dịch Phú Thọ

455 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: (08) 38.638.467
Fax: (08) 38.636.240

18. Phòng giao dịch Phú Lâm

391A Kinh Dương Vương, P.12, Quận 6, TP.HCM
Điện thoại: (08) 38.779.813
Fax: (08) 38.779.814

19. Phòng giao dịch Châu Văn Liêm

130 -132 Châu Văn Liêm, P.11, Quận 5, TP.HCM
Điện thoại: (08) 39.508.450
Fax: (08) 39.508.452

20. Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.05, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38.344.527
Fax: (08) 38.343.981

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo hợp nhất tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/ GPĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 10 năm 2012 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006 ngày 30 tháng 6 năm 2000 và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Một ngàn năm trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009.

Hội đồng Thành viên

Ông Bùi Tấn Tài
Ông Lê Vũ Kỳ
Ông Vijay Maheswari
Ông Phạm Phú Khôi
Ông Lê Bá Dũng
Ông Trịnh Kim Quang
Ông Đỗ Minh Toàn
Ông Trần Hùng Huy

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/09/2012)
Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 21/09/2012)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/11/2012)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/10/2012)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/11/2012)
Thành viên (Từ nhiệm ngày 24/09/2012)
Thành viên (Từ nhiệm ngày 14/11/2012)
Thành viên (Từ nhiệm ngày 17/10/2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Khôi
Ông Nguyễn Ngọc Chung
Bà Lê Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/01/2013)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Bùi Tấn Tài

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con gọi chung là "Tập đoàn") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành; cung cấp các dịch vụ về đầu tư; các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư.

Trụ sở chính

107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 36. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. *Ph*



Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 4 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 8 tháng 4 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

Trần Hồng Kiên
Số chứng chỉ KTV: 0298/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3669
Ngày 11 tháng 4 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.716.443.674.679	1.993.183.077.149
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	579.088.793.536	682.999.855.925
111	Tiền		578.588.793.536	632.999.855.925
112	Các khoản tương đương tiền		500.000.000	50.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	1.963.736.482.275	850.459.118.318
121	Đầu tư ngắn hạn		2.228.565.900.733	1.048.786.631.076
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(264.829.418.458)	(198.327.512.758)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.150.311.844.640	458.904.564.734
132	Trả trước cho người bán		80.000.000	1.130.482.480
133	Phải thu nội bộ		8.209.000	95.790.095
135	Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	6	401.823.425.124	4.152.307.856
138	Các khoản phải thu khác	7	749.331.543.466	454.242.702.973
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(931.332.950)	(716.718.670)
150	Tài sản ngắn hạn khác		23.306.554.228	819.538.172
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		731.730.937	554.964.363
152	Thuế GTGT được khấu trừ		25.576.464	132.528.184
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		22.413.846.827	17.845.625
158	Tài sản ngắn hạn khác		135.400.000	114.200.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		570.647.763.560	2.483.624.796.277
220	Tài sản cố định		56.695.614.484	61.983.946.957
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	56.185.688.641	60.741.184.946
222	Nguyên giá		94.828.736.394	96.840.826.083
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.643.047.753)	(36.099.641.137)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	509.925.843	1.236.862.011
228	Nguyên giá		2.481.127.984	2.481.127.984
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.971.202.141)	(1.244.265.973)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	5.900.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	492.430.176.279	2.398.430.611.146
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		200.501.540.000	4.221.960.000
254	Đầu tư sẵn sàng để bán		200.501.540.000	4.221.960.000
258	Đầu tư dài hạn khác		341.981.805.860	2.443.574.339.809
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(50.053.169.581)	(49.365.688.663)
260	Tài sản dài hạn khác		21.521.972.797	23.210.238.174
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	1.779.866.398	3.029.807.550
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10	5.250.000.000	7.929.438.913
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	13.144.000.003	10.834.305.315
268	Tài sản dài hạn khác		1.348.106.396	1.416.686.396
270	TỔNG TÀI SẢN		<u><u>4.287.091.438.239</u></u>	<u><u>4.476.807.873.426</u></u>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.608.011.727.121	2.828.861.796.388
310	Nợ ngắn hạn		1.608.011.727.121	2.128.502.407.819
311	Vay ngắn hạn	15(a)	700.000.000.000	1.500.000.000.000
312	Phải trả người bán		61.776.795	190.551.871
313	Người mua trả tiền trước		22.000.000	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.724.807.092	1.686.514.056
315	Phải trả người lao động		8.823.196.000	4.906.296.988
316	Chi phí phải trả	13	277.780.748.360	237.199.809.961
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	563.624.296.907	250.920.517.705
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		49.407.121.215	126.599.779.715
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.786.989.083	6.998.937.523
328	Doanh thu chưa thực hiện		780.791.669	-
330	Nợ dài hạn		1.000.000.000.000	700.359.388.569
334	Vay và nợ dài hạn	15(b)	1.000.000.000.000	700.000.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	359.388.569
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.679.079.711.118	1.647.946.077.038
410	Vốn chủ sở hữu		1.679.079.711.118	1.647.946.077.038
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
417	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	16	67.509.974.614	61.804.643.173
418	Quỹ dự phòng tài chính	16	88.610.345.260	82.758.110.257
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.959.391.244	3.383.323.608
440	TỔNG NGUỒN VỐN		4.287.091.438.239	4.476.807.873.426

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	2.527.191.910.000	2.452.992.300.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	21.771.383.170.000	18.350.552.330.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	16.052.921.630.000	15.213.480.750.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	551.318.400.000	809.587.200.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	15.257.036.610.000	14.191.482.330.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	244.566.620.000	212.411.220.000

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã Số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	327.584.060.000	111.643.410.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		20.000.000.000	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	296.851.940.000	100.911.290.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	10.732.120.000	10.732.120.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	3.770.541.110.000	2.295.815.290.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.770.541.110.000	2.295.815.290.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	873.230.760.000	285.602.620.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	247.104.580.000	3.984.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	625.614.780.000	281.402.720.000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	511.400.000	215.700.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	4.262.160.000	444.010.260.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	90.000	84.717.900.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	4.262.070.000	358.942.770.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	349.590.000
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		742.843.450.000	-
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		742.843.450.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	866.692.060.000	287.837.020.000
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	808.349.810.000	269.879.300.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	2.120.000	1.012.090.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	807.253.700.000	268.714.410.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	1.093.990.000	152.800.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	530.000.000	17.266.720.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	530.000.000	17.266.720.000
7.3. Chứng khoán cầm cố		57.550.250.000	-
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		57.550.250.000	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	262.000.000	691.000.000
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	262.000.000	691.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	7.292.940.570.000	1.968.372.690.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	266.124.700.000	979.638.890.000



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
1	Doanh thu	758.378.730.810	730.821.175.174
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	105.946.267.156	50.538.741.098
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 561.660.651.308	533.484.156.472
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	1.476.631.125	2.291.368.357
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.728.008.325	3.498.973.836
1.9	Doanh thu khác	18 86.567.172.896	141.007.935.411
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.080.884.153)	(48.090.339)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	757.297.846.657	730.773.084.835
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	19 (592.612.224.489)	(495.952.739.156)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	164.685.622.168	234.820.345.679
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (42.088.723.746)	(42.487.897.647)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	122.596.898.422	192.332.448.032
31	Thu nhập khác	5.162.197.309	751.629.219
32	Chi phí khác	(586.015.786)	(459.596.814)
40	Thu nhập khác – số thuần	21 4.576.181.523	292.032.405
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.173.079.945	192.624.480.437
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	22 (10.832.264.589)	(1.144.786.322)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22 (2.679.438.913)	2.679.438.913
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	113.661.376.443	194.159.133.028

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	127.173.079.945	192.624.480.437
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.753.172.779	8.876.668.221
03	Các khoản dự phòng	67.404.000.898	25.379.132.106
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định, từ hoạt động giao dịch ký quỹ, đầu tư, hợp đồng "reverse" repo	(359.074.179.624)	(219.518.044.639)
06	Chi phí lãi vay	233.739.111.117	316.247.638.885
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	76.995.185.115	323.609.875.010
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và chứng khoán kinh doanh	(1.217.721.077.080)	422.582.913.465
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	347.019.501.489	(285.190.363.041)
12	Giảm các chi phí trả trước	1.073.174.578	703.878.649
13	Tiền lãi vay đã trả	(192.654.166.667)	(107.723.611.111)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(33.132.846.811)	(1.296.762.430)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	99.457.200
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.241.114.688)	(2.500.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.020.661.344.064)	350.285.387.742
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.948.322.192)	(2.239.727.237)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	816.554.269	220.809.179
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn	(9.077.746.225)	(20.100.000.000)
26	Tiền thu từ bán chứng khoán dài hạn	1.219.721.528.000	13.499.995.376
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	399.815.944.372	220.326.324.846
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.608.327.958.224	211.707.402.164
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	1.000.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.500.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(191.577.676.549)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(691.577.676.549)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(103.911.062.389)	561.992.789.906
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 682.999.855.925	121.007.066.019
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 579.088.793.536	682.999.855.925

Trong năm có 1 nghiệp vụ phi tiền tệ trọng yếu là phân loại lại một số cổ phiếu từ đầu tư dài hạn khác sang chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán với tổng số tiền là 1.743.160.280.174 đồng.

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

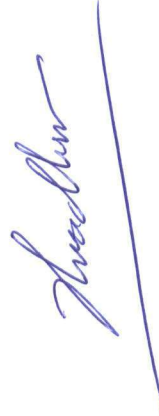
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.500.000.000.000	51.778.855.002	72.554.252.422	2.230.302.005	1.626.563.409.429
- Trích lập quỹ trong năm	-	10.025.788.171	10.203.857.835	(20.229.646.006)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	194.159.133.028	194.159.133.028
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(172.776.465.419)	(172.776.465.419)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.500.000.000.000	61.804.643.173	82.758.110.257	3.383.323.608	1.647.946.077.038
- Trích lập quỹ trong năm	-	5.705.331.441	5.852.235.003	(11.557.566.444)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	113.661.376.443	113.661.376.443
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(82.527.742.363)	(82.527.742.363)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.500.000.000.000	67.509.974.614	88.610.345.260	22.959.391.244	1.679.079.711.118



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khởi
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép sửa đổi số 115/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006 ngày 30 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, một ngân hàng cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam ("Ngân hàng mẹ").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB ("ACBC") được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực Quản lý quỹ. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB là công ty con 100% vốn của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Công ty và công ty con gọi chung là Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 266 nhân viên (2011: 290 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.5 Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là công ty mà Tập đoàn có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của công ty này được trao cho Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Tập đoàn không còn quyền kiểm soát công ty này.

Tập đoàn hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu. Phần vượt trội giữa giá phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản mua được ghi nhận là Lợi thế thương mại. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại được ước tính đúng đắn dựa trên thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận. Nếu giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư ngắn hạn***Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn ("chứng khoán kinh doanh") ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán ("giá gốc"). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****(b) Đầu tư dài hạn***Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ bán chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành. Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.8 Cam kết mua và bán

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

2.9 Giao dịch mua ký quỹ chứng khoán

Giao dịch ký quỹ chứng khoán là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty. Chứng khoán được mua và các chứng khoán khác có trong tài khoản của khách hàng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay.

Số tiền cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán được ghi nhận như một khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán. Tiền lãi nhận được từ giao dịch ký quỹ chứng khoán được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	4%
Máy móc thiết bị	20% - 33%
Phương tiện vận tải	17%
Thiết bị quản lý	33%
Tài sản cố định khác	25% - 33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.11 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.12 Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	5.828.731	3.210.811
Tiền gửi ngân hàng	578.582.964.805	632.996.645.114
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Tập đoàn</i>	<i>530.678.339.590</i>	<i>515.003.400.714</i>
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</i>	<i>47.904.625.215</i>	<i>117.993.244.400</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	50.000.000.000
	<u>579.088.793.536</u>	<u>682.999.855.925</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu dưới ba tháng.

4 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRONG NĂM

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khối lượng và giá trị giao dịch như sau:

	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch
	trong năm	trong năm
		VNĐ
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	62.131.016	1.071.528.983.200
Trái phiếu	4.000.000	373.560.000.000
	<u>66.131.016</u>	<u>1.445.088.983.200</u>
b) Của khách hàng		
Cổ phiếu	3.387.041.739	45.595.868.608.330
Trái phiếu	74.478.679	7.637.360.835.585
Chứng chỉ quỹ	9.300.530	63.160.067.000
	<u>3.470.820.948</u>	<u>53.296.389.510.915</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31.12.2012				Dự phòng VNĐ
	Giá trị sổ sách VNĐ	So với giá thị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.228.565.900.733	143.625.481.658	(264.829.418.458)	2.107.361.963.933	(264.829.418.458)
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	1.179.774.593.474	30.104.602.394	(263.149.223.468)	946.729.972.400	(263.149.223.468)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	61.817.707.259	113.520.879.264	(1.680.194.990)	173.658.391.533	(1.680.194.990)
- Trái phiếu	4.973.600.000	-	-	4.973.600.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	982.000.000.000	-	-	982.000.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	542.483.345.860	1.500.000.000	(126.242.710.666)	417.740.635.194	(50.053.169.581)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	200.501.540.000	-	-	200.501.540.000	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	144.010.403.360	1.500.000.000	(92.681.998.160)	52.828.405.200	(16.492.457.075)
- Đầu tư dài hạn khác	197.971.402.500	-	(33.560.712.506)	164.410.689.994	(33.560.712.506)
+ Chứng khoán vốn niêm yết					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết					
	2.771.049.246.593	145.125.481.658	(391.072.129.124)	2.525.102.599.127	(314.882.588.039)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31.12.2011			
	Giá trị số sách VNĐ	So với giá trị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	1.048.786.631.076	332.002.272.581	(198.327.512.758)	(198.327.512.758)
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	664.096.180.565	1.178.383.426	(196.554.946.091)	(196.554.946.091)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	379.716.850.511	330.823.889.155	(1.772.566.667)	(1.772.566.667)
- Trái phiếu	4.973.600.000	-	-	4.973.600.000
(b) Đầu tư dài hạn	2.447.796.299.809	-	(396.432.169.472)	(49.365.688.663)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán				
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.221.960.000	-	-	4.221.960.000
- Đầu tư dài hạn khác				
+ Chứng khoán vốn niêm yết	1.663.575.509.809	-	(347.066.480.809)	1.316.509.029.000
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	779.998.830.000	-	(49.365.688.663)	730.633.141.337
	3.496.582.930.885	332.002.272.581	(594.759.682.230)	3.233.825.521.236
				(247.693.201.421)

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết và trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do ba công ty chứng khoán độc lập cung cấp.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Biến động của các khoản đầu tư chứng khoán như sau:

	Số đầu năm VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số cuối năm VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	1.048.786.631.076	3.834.200.779.287	(4.409.933.438.745)	773.511.929.115	1.246.565.900.733
- Chứng khoán vốn niêm yết (***)	664.096.180.565	28.036.136.800	(285.869.653.006)	773.511.929.115	1.179.774.593.474
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	379.716.850.511	3.170.356.642.487	(3.488.255.785.739)	-	61.817.707.259
- Trái phiếu	4.973.600.000	635.808.000.000	(635.808.000.000)	-	4.973.600.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-
(b) Đầu tư dài hạn	2.447.796.299.809	9.077.746.225	(1.140.878.771.059)	(773.511.929.115)	542.483.345.860
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.221.960.000	-	(773.368.771.059)	969.648.351.059	200.501.540.000
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.663.575.509.809	2.993.633.725	-	(1.522.558.740.174)	144.010.403.360
- Đầu tư dài hạn khác	779.998.830.000	6.084.112.500	(367.510.000.000)	(220.601.540.000)	197.971.402.500
+ Chứng khoán vốn niêm yết (***)					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết					
	3.496.582.930.885	3.843.278.525.512	(5.550.812.209.804)	-	1.789.049.246.593

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(***) Bao gồm trong chứng khoán niêm yết của đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, có 615.426 triệu đồng (2011: 182.366 triệu đồng) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu Tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương Mại Dịch Vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”) và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội (“AIL”). Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của ba công ty được đề cập ở trên. Biến động giá trị của các khoản hợp tác đầu tư chủ yếu đến từ việc phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn trong năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã có thỏa thuận cho phép ACI và AIL sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI và AIL với giá trị sổ sách là 605.676 triệu đồng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của 2 công ty đó cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh số 26).

(****) Bao gồm trong chứng khoán niêm yết của đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, có 22.354 triệu đồng (2011: 516.087 triệu đồng) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và Bình Chánh. Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên. Biến động giá trị của các khoản hợp tác đầu tư chủ yếu đến từ việc phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn trong năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã có thỏa thuận cho phép ACI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI với giá trị sổ sách là 20.939 triệu đồng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh số 26).

Toàn bộ số trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL sẽ được đáo hạn vào tháng 7 năm 2013. Dự phòng không được trích lập cho các tổn thất tiềm tàng liên quan đến các cổ phiếu này do Công ty tin tưởng rằng ACI và AIL có đủ khả năng trả nợ và các cổ phiếu được dùng làm tài sản đảm bảo trên sẽ được hoàn trả đầy đủ (Thuyết minh số 26).

6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	400.367.328.000	3.500.000.000
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.456.097.124	652.307.856
	<hr/>	<hr/>
	401.823.425.124	4.152.307.856
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	362.438.866.423	-
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” ngắn hạn	-	44.470.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng “reserve repo” ngắn hạn	-	6.977.343.000
Phải thu cổ tức	13.572.505.780	137.328.958.726
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi (*)	158.233.105.567	134.743.563.154
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán không hưởng lãi (**)	157.921.830.767	128.211.089.332
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	10.729.799.096	-
Các khoản phải thu khác (***)	46.435.435.833	2.511.748.761
	<u>749.331.543.466</u>	<u>454.242.702.973</u>

(*) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty được hưởng lãi suất cố định cho số tiền đã ứng trước với lãi suất bình quân dao động từ 14,4%/năm đến 23,4%/năm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2011: từ 14,4%/năm đến 19%/năm). Đến ngày 11 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thu toàn bộ số dư phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán có hưởng lãi.

(**) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện cho số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu chưa niêm yết mà Công ty đã mua thông qua một hợp đồng hợp tác đầu tư với một cá nhân (“đối tác đầu tư”) vào năm 2010. Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được đã được phong tỏa bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”) do một số thỏa thuận giữa đối tác đầu tư với Ngân hàng mẹ.

Khoản tiền này đã được thu hồi đầy đủ tại ngày 4 tháng 4 năm 2013.

(***) Bao gồm trong các khoản phải thu khác có số tiền 42.638.300.000 đồng phải thu từ một khách hàng cá nhân từ nghiệp vụ hỗ trợ thanh toán mua cổ phiếu niêm yết. Số tiền phải thu này được đảm bảo bằng 50.319.802.900 đồng cổ phiếu niêm yết của khách hàng lưu ký tại Công ty.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	62.445.734.395	20.045.597.189	5.988.089.009	6.537.923.498	1.823.481.992	96.840.826.083
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	1.777.681.392	1.176.540.800	2.954.222.192
	-	(2.091.772.623)	(2.415.860.500)	(430.803.758)	(27.875.000)	(4.966.311.881)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.766.651.989	18.698.978.381	4.542.437.038	2.471.459.146	1.620.114.583	36.099.641.137
Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	2.498.680.404	1.178.722.638	736.498.174	2.325.905.083	286.430.312	7.026.236.611
	-	(2.091.772.623)	(2.197.753.084)	(180.555.486)	(12.748.802)	(4.482.829.995)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	53.679.082.406	1.346.618.808	1.445.651.971	4.066.464.352	203.367.409	60.741.184.946
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 20.039.364.167 đồng (2011: 17.061.576.194 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính
VNĐ

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012

2.481.127.984

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

1.244.265.973

Khấu hao trong năm

726.936.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

1.971.202.141

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

1.236.862.011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

509.925.843

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

31.12.2012
VNĐ

31.12.2011
VNĐ

Tại ngày 1 tháng 1

3.029.807.550

3.294.728.654

Tăng trong năm

209.135.280

1.404.311.930

Phân bổ trong năm

(1.459.076.432)

(1.669.233.034)

Tại ngày 31 tháng 12

1.779.866.398

3.029.807.550

10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

31.12.2012
VNĐ

31.12.2011
VNĐ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi dưới 12 tháng

-

2.679.438.913

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trên 12 tháng

5.250.000.000

5.250.000.000

5.250.000.000

7.929.438.913

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	7.929.438.913	5.250.000.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.679.438.913)	2.679.438.913
Số dư cuối năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>7.929.438.913</u>

Biến động trong năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ VNĐ	Lỗi tính thuế chưa sử dụng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	5.250.000.000	2.679.438.913	7.929.438.913
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	(2.679.438.913)	(2.679.438.913)
Số dư cuối năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.250.000.000</u>

11 TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm lưu ký chứng khoán, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa theo tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và mỗi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng.

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số dư đầu năm	10.834.305.315	8.334.305.315
Tiền nộp bổ sung	1.299.728.719	1.934.459.035
Tiền lãi phân bổ	1.009.965.969	565.540.965
Số dư cuối năm	<u>13.144.000.003</u>	<u>10.834.305.315</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	274.125.806	178.706.826
Các loại thuế khác:		
- Thuế thu nhập cá nhân	770.655.927	1.044.764.934
- Các loại thuế khác	4.680.025.359	463.042.296
Số dư cuối năm	<u>5.724.807.092</u>	<u>1.686.514.056</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Dự chi lãi trái phiếu phải trả	275.877.305.562	234.792.361.112
Phí giao dịch trả Trung tâm lưu ký, Sở Giao dịch chứng khoán	1.859.442.798	1.538.701.790
Chi phí dịch vụ phải trả Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b))	-	793.010.589
Chi phí khác	44.000.000	75.736.470
	<u>277.780.748.360</u>	<u>237.199.809.961</u>

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	20.358.994	36.755.157
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b))	82.527.742.363	191.577.676.549
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b)) (*)	200.501.540.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	280.574.655.550	59.306.085.999
	<u>563.624.296.907</u>	<u>250.920.517.705</u>

(*) Số tiền phải trả khác cho Ngân hàng mẹ thể hiện số tiền nhận được từ Ngân hàng mẹ cho một giao dịch chứng khoán nhưng đã được hủy trong năm 2012.

(**) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của các bên thứ ba cho các giao dịch chứng khoán với Tập đoàn.

15 CÁC KHOẢN VAY**(a) Vay ngắn hạn**

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (*)	700.000.000.000	1.500.000.000.000

(*) Năm 2010, Tập đoàn phát hành 32.000.000 (ba mươi hai triệu) trái phiếu cho các tổ chức tín dụng với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất dao động từ 11,4%/năm đến 15,6%/năm. 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) trái phiếu đã được trả và số trái phiếu còn lại sẽ đáo hạn vào năm 2013 (Thuyết minh 27).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

15 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Trái phiếu phát hành	1.000.000.000.000	2.200.000.000.000
Trừ: Trái phiếu phát hành đến hạn trả		- (1.500.000.000.000)
Vay dài hạn (**)	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>

(**) Năm 2012, Tập đoàn phát hành 10.000.000 (mười triệu) trái phiếu cho một tổ chức tín dụng với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất là 14%/năm. Toàn bộ trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2015 (Thuyết minh 27).

16 CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính.

17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	363.444.083.251	294.480.834.357
Thu nhập cổ tức	73.110.337.340	198.986.197.162
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	125.106.230.717	40.017.124.953
	<u>561.660.651.308</u>	<u>533.484.156.472</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	25.424.097.516	13.545.824.450
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.160.126.665	5.853.484.175
Lãi thường từ ngân hàng mẹ	-	97.113.606.531
Lãi từ hợp đồng "reverse repo"	3.041.748.000	20.693.609.111
Hoa hồng ứng tiền ngày T	6.396.685	5.404.397
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	48.055.810.062	-
Doanh thu nội bộ (Thuyết minh 23(a))	751.260.000	1.478.294.660
Doanh thu khác	4.127.733.968	2.317.712.087
	<u>86.567.172.896</u>	<u>141.007.935.411</u>

19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	14.616.383.271	7.638.623.792
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	172.398.121.968	41.660.590.813
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	12.606.677.190	9.377.699.365
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	67.189.386.618	24.902.093.436
Chi phí lãi trái phiếu	233.739.111.117	316.247.638.885
Chi phí nhân viên	40.276.684.754	38.792.776.274
Khấu hao tài sản cố định	3.924.629.279	4.620.924.490
Chi phí khác hoạt động môi giới trái phiếu (Thuyết minh số 14)	23.085.620.000	15.955.649.333
Phí hoa hồng	5.326.242.987	700.560.249
Chi phí thuê	5.921.277.437	7.681.474.743
Chi phí khác	13.528.089.868	28.374.707.776
	<u>592.612.224.489</u>	<u>495.952.739.156</u>

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Khấu hao tài sản cố định	3.828.543.500	4.255.743.732
Chi phí nhân viên	22.530.370.427	17.834.269.746
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	678.341.958	651.457.718
Thuế, phí, lệ phí	58.334.306	71.137.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.244.102.079	14.552.134.215
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.018.137.230	-
Chi phí thuê văn phòng	823.780.350	-
Dự phòng các khoản nợ khó đòi	214.614.280	477.038.670
Chi phí bằng tiền khác	8.692.499.616	4.646.115.587
	<u>42.088.723.746</u>	<u>42.487.897.647</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

21 THU NHẬP KHÁC - SỐ THUẦN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thu nhập khác		
Tiền thu được do thanh lý tài sản cố định	816.554.269	220.809.179
Thu nhập khác	4.345.643.040	530.820.040
	<u>5.162.197.309</u>	<u>751.629.219</u>
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định bị thanh lý	483.481.886	382.570.813
Chi phí khác	102.533.900	77.026.001
	<u>586.015.786</u>	<u>459.596.814</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>4.576.181.523</u>	<u>292.032.405</u>

22 THUẾ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.832.264.589	1.144.786.322
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 10)	2.679.438.913	(2.679.438.913)
	<u>13.511.703.502</u>	<u>(1.534.652.591)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

22 THUẾ (tiếp theo)

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.173.079.945	192.624.480.437
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	32.639.100.889	48.156.120.109
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(19.153.030.862)	(49.746.549.290)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	25.633.475	19.256.500
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.679.438.913)	-
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	36.520.090
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10.832.264.589	(1.534.652.591)

(*) Thu nhập chịu thuế của Công ty và Công ty con sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2009, năm 2010, năm 2011 và năm 2012 của Công ty.

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ") do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	1.111.064.272	406.749.490
Doanh thu từ nghiệp vụ ứng tiền ngày T	6.396.685	5.404.397
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.485.230.500	112.484.940.034
Thu nhập khác (Thuyết minh 18) (*)	751.260.000	1.478.294.660
	<u>25.353.951.457</u>	<u>114.375.388.581</u>

(*) Thu nhập khác phát sinh từ tiền thuê mặt bằng thu được từ Ngân hàng mẹ do sử dụng chung mặt bằng với Công ty tại phòng giao dịch Trương Định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Phí dịch vụ trả cho Ngân hàng mẹ	(793.010.589)	4.943.277
Phí ủy thác đầu tư trả cho Ngân hàng mẹ	-	585.983.220
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	124.028.377	246.132.531
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	5.750.921.045	5.561.053.937
	<u>5.081.938.833</u>	<u>6.398.112.965</u>

iii) Bán tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu từ bán tài sản cố định cho Ngân hàng mẹ	207.254.270	115.536.450
	<u>207.254.270</u>	<u>115.536.450</u>

iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.979.576.622	3.687.427.936
	<u>5.979.576.622</u>	<u>3.687.427.936</u>

v) Hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	191.577.676.549	172.776.465.419
Mua chứng khoán nợ từ Ngân hàng mẹ	-	1.297.000.000.000
Bán chứng khoán vốn cho Ngân hàng mẹ	371.731.960.000	10.000.000.000
	<u>191.577.676.549</u>	<u>172.776.465.419</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)
vi) Hoạt động kinh doanh khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Ngân hàng mẹ		
Thu từ hợp đồng môi giới trái phiếu	315.000.000.000	-
Hoàn trả tiền cho hợp đồng môi giới trái phiếu	(315.000.000.000)	-
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	573.374.063.355	679.974.474.879
Đầu tư chứng khoán		
Ủy thác đầu tư cho Ngân hàng mẹ	767.380.000	372.499.335.375
Tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng ở Ngân hàng mẹ	980.000.000.000	50.000.000.000
Chi phí phải trả (Thuyết minh 13)		
Phí dịch vụ phải trả cho Ngân hàng mẹ	-	793.010.589
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 14)		
Phải trả lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	82.527.742.363	191.577.676.549
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ	200.501.540.000	-

24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Dưới 1 năm	6.598.578.534	8.252.232.961
Từ 1 đến 5 năm	16.084.177.048	22.086.564.284
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	22.682.755.582	30.338.797.245

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH***Các yếu tố rủi ro tài chính*

Các hoạt động của Tập đoàn khiến cho Tập đoàn phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Tập đoàn tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường đối với Tập đoàn bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

(i) Rủi ro lãi suất

Tập đoàn có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Tập đoàn được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Tập đoàn ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Tập đoàn chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn cụ thể bởi các cơ quan quản lý.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về tiền tệ của Tập đoàn là không trọng yếu.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Tập đoàn phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Tập đoàn. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Giao dịch và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có khoản dự phòng cho các khoản phải thu bị quá hạn hay có nguy cơ bị tổn thất như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tổng số phải thu	1.151.243.177.590	459.621.283.404
Trừ: Dự phòng nợ khó đòi	(931.332.950)	(716.718.670)
	<u>1.150.311.844.640</u>	<u>458.904.564.734</u>
Biến động của số dư dự phòng như sau:		
Số đầu năm	716.718.670	239.680.000
Lập dự phòng nợ khó đòi trong năm	214.614.280	477.038.670
Số cuối năm	<u>931.332.950</u>	<u>716.718.670</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Vay ngắn hạn	700.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	1.000.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	49.407.121.215	-	-
Nợ tài chính khác	852.099.007.145	-	-
	<u>1.601.506.128.360</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	1.500.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	700.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	126.599.779.715	-	-
Nợ tài chính khác	500.216.114.048	-	-
	<u>2.126.815.893.763</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phát sinh.

(d) Giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Tập đoàn được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hay công nợ tài chính của Tập đoàn.

Hiện tại, Tập đoàn chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Tập đoàn sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

26 NGHĨA VỤ ĐẢM BẢO THANH TOÁN

Trong năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu Tư Á Châu (“ACI”) và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội (“AIL”) cho một tổ chức tín dụng trong nước (“đơn vị mua trái phiếu”). Số trái phiếu trên có mệnh giá 1.193 tỷ đồng và sẽ được đáo hạn vào tháng 7 năm 2013 với lãi dự tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 320 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã cho phép ACI và AIL sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư giữa Công ty với hai công ty này làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu đề cập ở trên (Thuyết minh số 5).

Giá trị tài sản đảm bảo còn bao gồm một số cổ phiếu niêm yết của ACI và AIL với giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 331 tỷ đồng.

Toàn bộ thủ tục cầm cố và phong tỏa cổ phiếu dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL được thực hiện vào tháng 1 năm 2013. Theo đó, nghĩa vụ đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL đã được chấm dứt vào ngày 15 tháng 1 năm 2013. Phần giá trị còn lại của nghĩa vụ đảm bảo thanh toán do Ngân hàng mẹ đảm nhận theo một số thỏa thuận giữa Ngân hàng mẹ và đơn vị mua trái phiếu.

27 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đến ngày 8 tháng 2 năm 2013, Công ty đã mua lại toàn bộ 10.000.000 (mười triệu) trái phiếu mà Công ty đã phát hành cho một tổ chức tín dụng trong năm 2012 (Thuyết minh số 15(b)).

Đến ngày 28 tháng 2 năm 2013, Công ty đã mua lại 3.000.000 (ba triệu) trái phiếu mà Công ty đã phát hành cho một tổ chức tín dụng trong năm 2010 (Thuyết minh số 15(a)).

28 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 8 tháng 4 năm 2013.



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi
Tổng Giám đốc